

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN ĐỒ SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 349/QĐ-UBND

Đồ Sơn, ngày 28 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt số lượng, danh sách học sinh hỗ trợ học phí theo
Nghị quyết số 54/2019/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố
học kì II, Năm học 2024 - 2025

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/2/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 54/2019/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố về chính sách hỗ trợ học phí cho học sinh từ bậc học mầm non đến trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng (Nghị quyết số 54/2019/NQ-HĐND);

Căn cứ Hướng dẫn số 2582/HDLS-GDĐT-STC ngày 23/11/2021 của Liên Sở Giáo dục và Đào tạo, Tài chính về phương thức chi hỗ trợ học phí cho học sinh theo Nghị quyết số 54/2019/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố;

Căn cứ Quyết định số 4668/QĐ-UBND ngày 09/12/2024 của UBND thành phố về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 cho các cấp, các ngành, các đơn vị;

Căn cứ Quyết định số 2168/QĐ-UBND ngày 23/12/2024 của Ủy ban nhân dân quận Đồ Sơn về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho các đơn vị, phòng, ban và Ủy ban nhân dân các phường;

Theo Báo cáo số 02/BCLP-TCKH-GDĐT ngày 25/3/2025 của Liên Phòng: Giáo dục - Đào tạo và Tài chính - Kế hoạch về kết quả thẩm định hồ sơ học sinh và đề xuất bổ sung kinh phí hỗ trợ học phí cho học sinh năm 2025 (lần 1) theo Nghị quyết số 54/2019/NQ-HĐND.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt số lượng, danh sách học sinh hỗ trợ học phí theo Nghị quyết số 54/2019/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố - năm 2025 (đợt 1); cho các trường mầm non và trung học cơ sở, cụ thể như sau:

STT	Tên đơn vị	Tổng số học sinh				
		Tổng cộng	Trong đó:			
			THCS	GDTX	Nhà trẻ	Mẫu giáo
	TỔNG CỘNG	5.357	3.238	495	405	1.219
A	KHỐI MẦM NON	1.624	0	0	405	1.219

I	TRƯỜNG CÔNG LẬP	1.527	0	0	363	1.164
1	Mầm non Quận	192			51	141
2	Mầm non Hải Sơn	272			79	193
3	Mầm non Ngọc Xuyên	183			45	138
4	Mầm non Vạn Hương	98			23	75
5	Mầm non Bằng La	297			64	233
6	Mầm non Hợp Đức	299			57	242
7	Mầm non Minh Đức	186			44	142
II	NGOÀI CÔNG LẬP	97	0	0	42	55
1	Mầm non Bảo Châu	97			42	55
B	KHỐI THCS	3.238	3.238	0	0	0
1	THCS Vạn Sơn	747	747			
2	THCS Bằng La	602	602			
3	THCS Hợp Đức	1.068	1.068			
4	THCS Ngọc Hải	492	492			
5	TH&THCS Vạn Hương	329	329			
C	GD THƯỜNG XUYÊN	495	0	495	0	0
1	Trung tâm GDNN & GDTX	495		495		

(Chi tiết học sinh theo biểu đính kèm)

Điều 2. Danh sách học sinh được phê duyệt là cơ sở để các trường học thực hiện chi trả hỗ trợ học phí theo Nghị quyết số 54/2019/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố - năm 2025.

Giao Phòng Giáo dục và Đào tạo kiểm tra, rà soát, các đối tượng được hưởng theo đúng quy định. Giao Phòng Tài chính- Kế hoạch bố trí kinh phí, kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND Quận;
- Như điều 3(thực hiện);
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Hoàng Tuấn

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN ĐỒ SƠN
DANH SÁCH HỌC SINH THUỘC ĐỐI TƯỢNG HỖ TRỢ HỌC PHÍ THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 54/2019/NQ-HĐND
THÁNG 1,2,3,4,5/2025 MÀM NON MINH ĐỨC
(Kèm theo Quyết định số 349/QĐ-UBND ngày 28/03/2025 của Ủy ban nhân dân quận Đồ Sơn)

Số TT	Họ và tên	Địa chỉ	Tổng số học sinh	Học sinh được hỗ trợ theo NQ 54						Mức hỗ trợ	Số tiền hỗ trợ	Ghi chú
				Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Số tháng chi trả			
Tổng			186	184	184	184	184	184	920	203,000	186,760,000	
	Lớp NTA		22	22	22	22	22	22	110		22,330,000	
1	Lưu Phạm Duy Anh	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
2	Lương Quốc Bảo	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
3	Đỗ Nguyễn Minh Châu	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
4	Nguyễn Ngọc Minh Châu	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
5	Phạm Đình Bảo Duy	Hợp Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
6	Lưu Quang Đông	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
7	Nguyễn Gia Hân	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
8	Nguyễn Ngọc Bảo Hân	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
9	Hoàng Đình Gia Hưng	Hợp Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
10	Nguyễn Đức Gia Hưng	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
11	Đỗ Xuân Khang	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
12	Hoàng Nguyễn Duy Nam	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
13	Nguyễn Bảo Ngọc	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
14	Đàm Thảo Nhi	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
15	Lưu Minh Sơn	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
16	Nguyễn Đức Minh Thành	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
17	Bùi Thị Hạ Vân	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
18	Nguyễn Vũ Khánh Vân	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
19	Văn Đức Hoàng Anh	Hợp Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
20	Bùi Vũ Minh Hoàng	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
21	Lưu Minh Châu	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
22	Đinh Văn Anh Tú	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	HS Mới
	Lớp NTB		22	22	20	20	20	20	102		1,015,000	
23	Đỗ Thị Bảo An	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	

24	Đỗ Thị Ngọc Anh	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
25	Đoàn Gia Bảo	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
26	Đỗ Thị Thanh Bình	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
27	Đoàn Minh Hương	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
28	Bùi Nhật Minh	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
29	Đoàn Lê Nhật Minh	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
30	Bùi Tuấn Minh	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
31	Phạm Thị Bảo Ngân	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
32	Nguyễn Thị Mai Nhiên	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
33	Nguyễn Thành Nhân	Ngọc Xuyên, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1					1	203,000	203,000	Chuyển trường T.
34	Trương Quang Khải	Bang La, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1					1	203,000	203,000	Chuyển trường T.
35	Lưu Tú Uyên	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
36	Bùi Tú Thanh	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
37	Lưu Chí Vỹ	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
38	Phùng Tuấn Anh	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
39	Phùng Hải Bình	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
40	Đoàn Bích Ngọc	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
41	Đặng Phương Loan	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
42	Hoàng Bảo An	Thanh Thủy, Nghi Sơn, Thanh Hoá	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
43	Lê Khánh Khởi Nguyên	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
44	Đàm Phương Ly	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	HS Mới T1
	Lớp 3TA		24	23	24	24	24	24	119		24,157,000	HS Mới T1
45	Đặng Thiên An	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
46	Hoàng Nguyên An	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
47	Hoàng Đỗ Bảo An	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
48	Đoàn Trâm Anh	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
49	Đỗ Ngọc Minh Châu	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
50	Bùi Ánh Dương	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
51	Hoàng Đình Khánh Hưng	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
52	Lê Bảo Khang	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
53	Ngô Đăng Khôi	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
54	Nguyễn Tùng Lâm	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
55	Đàm Phương Linh	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
56	Nguyễn Hoàng Ngọc Mỹ	Hợp Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
57	Đoàn Thị Kim Ngân	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
58	Đoàn Văn Tấn Phát	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	

	Bùi Đức Tấn Phát	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
60	Lưu Nam Phong	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
61	Lê Minh Trí	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
62	Vũ Ngọc Trinh	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
63	Hoàng Đình Gia Thành	Hợp Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
64	Hoàng Gia Trường Anh	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
65	Lê Bảo Nhi	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
66	Bùi Đức Phong	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
67	Lưu Tuệ Tâm	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
68	Bùi Duy Nhật Nam	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
	Lớp 3TB		1		1	1	1	1	4	203,000	812,000	HS Mới T2
69	Nguyễn Thị Nhã An	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	23	23	23	23	23	23			23,345,000	
70	Trần Nguyễn Minh Châu	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
71	Phùng Ánh Dương	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
72	Nguyễn Đức Hiếu	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
73	Nguyễn Gia Hưng A	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
74	Ngô Tuấn Minh	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
75	Phạm Nguyễn Huyền My	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
76	Bùi Quang Nhật	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
77	Ngô Minh Quang	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
78	Nguyễn Thị Minh Thư	Tân Phong, Kiến Thụy, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
79	Đoàn Phạm Như Vân	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
80	Nguyễn Gia Hưng B	Hợp Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
81	Vũ Thành Trung	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
82	Nguyễn Minh Thiện	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
83	Nguyễn Khánh Ngân	Hải Thành, Dương Kinh, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
84	Phùng Bảo Khang	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
85	Nguyễn Bảo An	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
86	Nguyễn Gia Hân	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
87	Bùi Tú Anh	Hợp Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
88	Đoàn Minh Chiến	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
89	Bùi Thị Yến Nhi	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
90	Hoàng Đức Hùng	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
91	Bùi Tuấn Anh	Hợp Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
	Lớp 3TC		22	21	22	22	22	22			1,015,000	HS mới T1
92	Nguyễn Quang Minh	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	22,127,000	
											1,015,000	

93	Nguyễn Hoàng Thuý	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
94	Phạm Gia Hưng	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
95	Hoàng Gia Huy	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
96	Nguyễn Hải Đăng	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
97	Hoàng Thị Minh Trâm	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
98	Ngô Thị Thanh Trúc	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
99	Bùi Hữu Toàn	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
100	Nguyễn Thị Linh Chi	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
101	Hà Minh Châu	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
102	Phạm Tuấn Phong	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
103	Nguyễn Trịnh Minh Quang	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
104	Nghiêm Hồng Hiếu	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
105	Đặng Gia Hưng	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
106	Tô Tuấn Anh	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
107	Đặng Nhã An	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
108	Vũ Trần Tuấn Hưng	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
109	Trần Tổ Uyên	Hợp Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
110	Phạm Trần Duy Anh	Hợp Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
111	Đỗ Văn Huy Hoàng	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
112	Phạm Ngọc Diễm	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
113	Đồng Quang Huy	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1		1	1	1	1	4	203,000	812,000	HS mới T2
	Lớp 4TA		36	36	36	36	36	36			36,540,000	
114	Đinh Duy Anh	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
115	Hoàng Duy Anh	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
116	Hoàng Gia Bảo	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
117	Nguyễn Gia Bảo	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
118	Vũ Thị Minh Châu	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
119	Lưu Khánh Chi	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
120	Mai Trí Dũng	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
121	Đinh Xuân Bảo Duy	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
122	Nguyễn Tiến Đạt	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
123	Ngô Anh Đức	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
124	Lê Minh Hiếu	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
125	Bùi Ngô Minh Khang	Tân Phong - Kiến Thụy - Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
126	Đoàn Đức Minh Khang	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
127	Đoàn Văn Khôi	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	

128	Nguyễn Khắc Khương	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
129	Lê Đức Trung Kiên	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
130	Đàm Thiên Kim	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
131	Nguyễn Phương Linh	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
132	Phạm Trần Nhã Linh	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
133	Lê Công Gia Minh	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
134	Đồng Hà My	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
135	Đoàn Nguyễn Nhật Nam	Hợp Đức - Đồ Sơn - Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
136	Ngô Lê Minh Ngọc	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
137	Nguyễn Minh Ngọc	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
138	Đồng Thị Yến Nhi	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
139	Nguyễn An Nhiên	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
140	Hoàng Đức Ninh	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
141	Hà Xuân Phát	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
142	Hoàng Thị Hoài Thương	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
143	Phạm Văn Trung	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
144	Mai Ngọc Trường	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
145	Đỗ Lưu Anh Tuấn	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
146	Hoàng Minh Tường	Hoà Nghĩa - Dương Kinh - Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
147	Nguyễn Lê Vi	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
148	Phạm Quang Vinh	Tân Thành - Dương Kinh - Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
149	Nguyễn Thị Hải Yến	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
	Lớp 4TB		37	37	37	37	37	37			37,555,000	
150	Cao Minh An	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
151	Bùi Trâm Anh	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
152	Nguyễn Thị Châm Anh	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
153	Phùng Thị Trà My	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
154	Lưu Hải Nam	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
155	Đoàn Văn Đức Phúc	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
156	Phạm Thảo Nhiên	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
157	Lưu Quyền Anh	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
158	Nguyễn Gia Bảo	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
159	Bùi Thị Minh Chi	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
160	Vũ Ngọc Quỳnh Chi	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
161	Dương Ngọc Diệp	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	
162	Đỗ Hữu Trọng Đạt	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000	

163	Phạm Thành Đạt	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000
164	Đoàn Minh Đăng	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000
165	Nguyễn Văn Đức	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000
166	Nguyễn Thanh Hương	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000
167	Nguyễn Quang Gia Hưng	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000
168	Nguyễn Hoàng Minh Khang	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000
169	Ngô Quang Duy Khánh	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000
170	Bùi Đức Bảo Lâm	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000
171	Bùi Thị Ngọc Lan	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000
172	Nguyễn Phương Linh	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000
173	Nguyễn Minh Long	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000
174	Bùi An Nhiên	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000
175	Trần Quỳnh Nhung	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000
176	Bùi Đức Phát	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000
177	Nguyễn Văn Phúc A	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000
178	Nguyễn Văn Phúc	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000
179	Vũ Văn Phúc	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000
180	Đỗ Duy Phong	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000
181	Trần Minh Quân	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000
182	Hoàng Anh Tuấn	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000
183	Vũ Hoàng Thảo Vân	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000
184	Phạm Trí Vĩ	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000
185	Nguyễn Minh Long	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000
186	Vũ Ngọc Khánh My	Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng	1	1	1	1	1	1	5	203,000	1,015,000

Tổng số: 186 Học sinh

Số tiền đề nghị hỗ trợ học phí: 186.760.000 đồng